TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1540/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Liên
2. Ông Bùi Quang Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 382/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4296/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8193/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Thanh Khiết**, sinh năm: 1960
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Pham Thi Hue,** sinh năm: 1961.
Địa chỉ: Canada. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01.8.2017 và trong quá trình tố tụng, ông Lê Thanh K - nguyên đơn trình bày:

Đầu năm 2005, qua giới thiệu Ông và bà Pham Thi H tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1598, quyển số 06 ngày 18.5.2005).

Sau khi kết hôn, bà Pham Thi H quay về Canada sinh sống và làm việc, 02 bên ít có thời gian liên lạc và do không hiểu nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được.

Ông K cho rằng cả 02 không thể tiếp tục chung sống được với nhau, nên Ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp sau đó đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Canada niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở của Đại sứ quán đồng thời thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bà Pham Thi H không có mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Lê Thanh K vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Pham Thi H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Lê Thanh K và bà Pham Thi H là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Canada nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn bà Pham Thi H theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 02.4.2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản của Bộ Tư pháp về việc không thực hiện được ủy thác do đương sự không còn ở địa chỉ được yêu cầu ủy thác nên ngày 26.7.2018 Tòa án gửi văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Canada niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở của Đại sứ quán đồng thời thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa bị đơn

không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 20.9.2018, nguyên đơn ông Lê Thanh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số hôn số 1598, quyển số 06 ngày 18.5.2005 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Thanh K và bà Pham Thi H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Thanh K thì bà Pham Thi H sinh sống, làm việc ở Canada còn Ông ở Việt Nam nên 02 bên ít có thời gian liên lạc và do không hiểu nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho bà Pham Thi H biết yêu cầu ly hôn của ông K và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy bà Pham Thi H không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông K, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Lê Thanh K và bà Pham Thi H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông K có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Ông K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Thanh K chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Thanh K.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh K được ly hôn với bà Pham Thi H.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh K chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2017/0047404 ngày 11.8.2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Lê Thanh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Bà Pham Thi H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan